

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi tắt là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở, ban, ngành tỉnh.
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Sở, ban, ngành tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc và thẩm quyền điều chỉnh mức giá.

a) Sở, ban, ngành tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc

cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng.

a) Sở, ban, ngành tỉnh quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

1. Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa có hướng dẫn đầy đủ, Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn, Sở Y tế rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa có hướng dẫn đầy đủ, Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh. Sau khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn, Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)

1. Sở, ban, ngành tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo sự cần thiết, sự phù hợp về tiêu chuẩn, định mức, mục đích, nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quyết định các nội dung được phân cấp.

Điều 9. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.

c) Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung Phụ lục về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

d) Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

đ) Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

e) Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

g) Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

h) Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

i) Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định về chủng loại, số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

k) Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

l) Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

m) Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

n) Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

o) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

p) Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

q) Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ

chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

r) Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung Phụ lục kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chủng loại, số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký:

Đặng Văn Chính